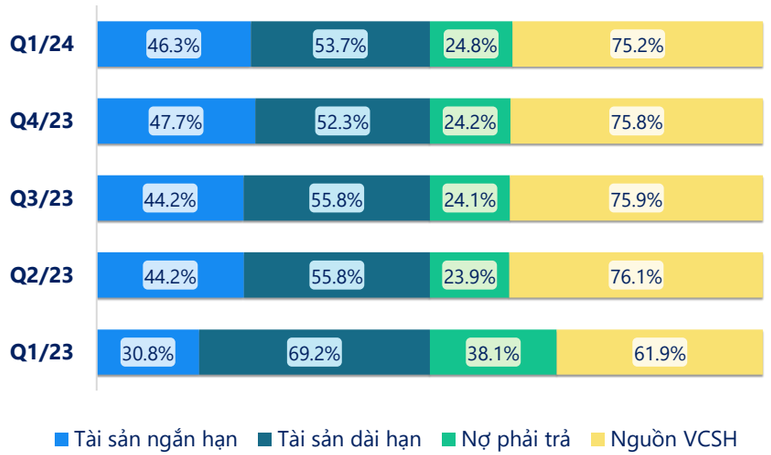
FireAnt

CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	3,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	100,240
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	195
P/E	-2.3
EPS	-1,697

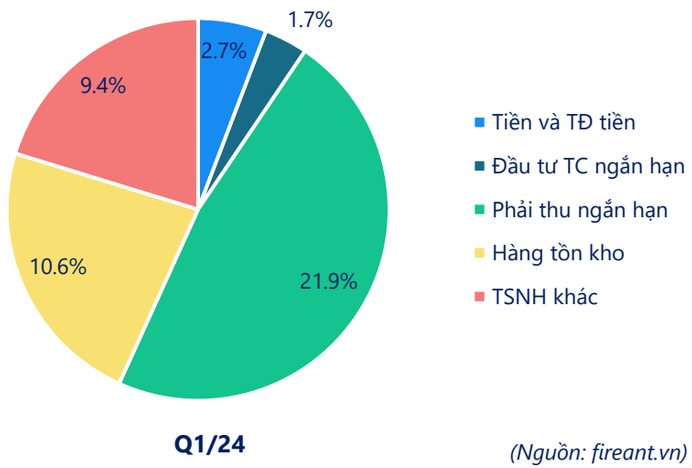
	YTD	1T	3T	6T
PVL	39.3%	39.3%	39.3%	25.8%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%

Cơ cấu Tổng tài sản



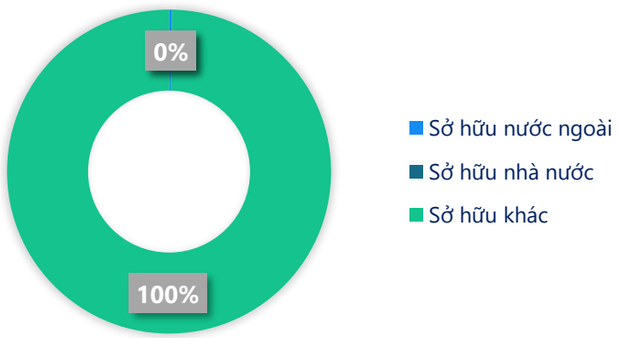
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



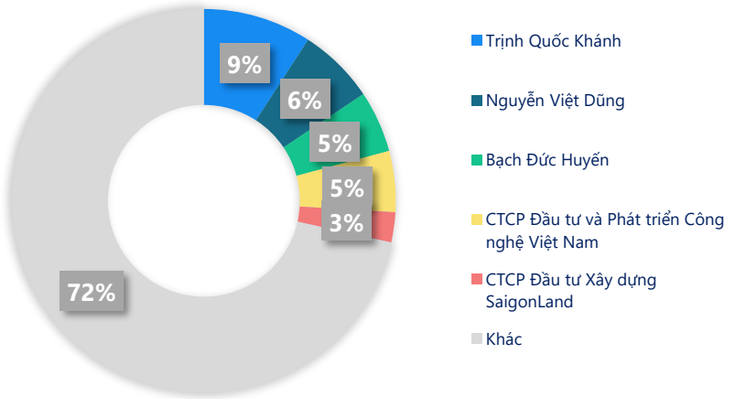
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



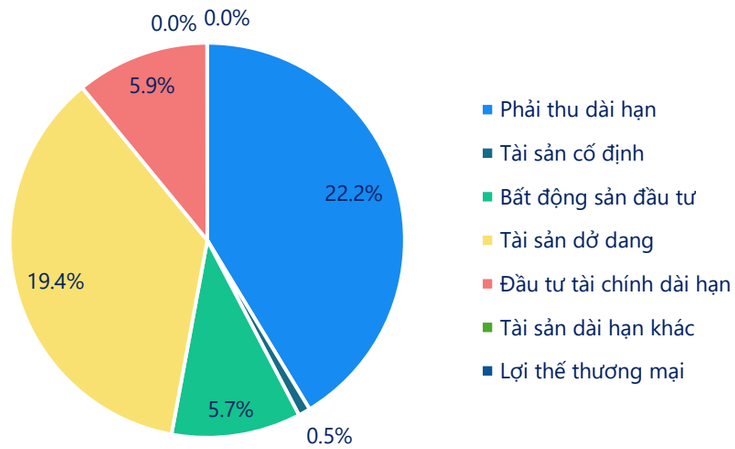
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

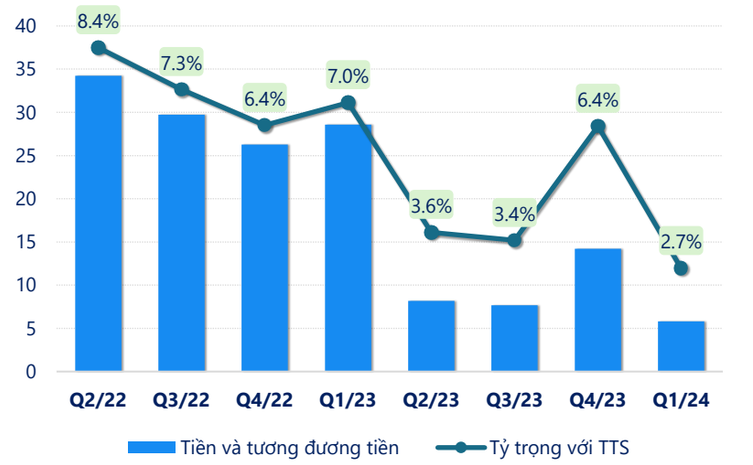


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

Tiền và tương đương tiền



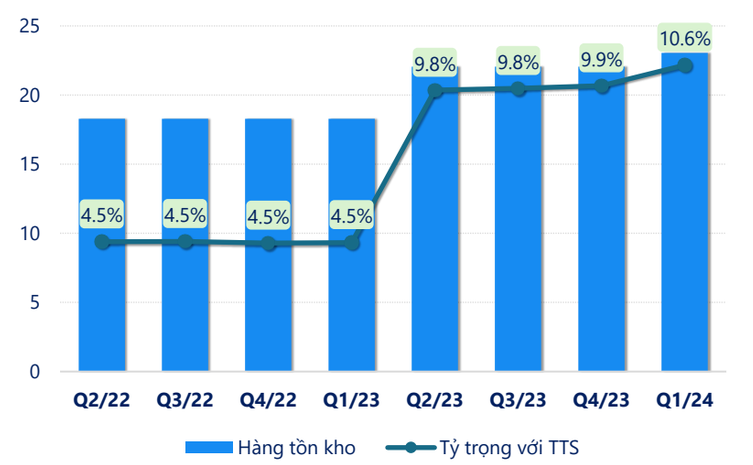
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



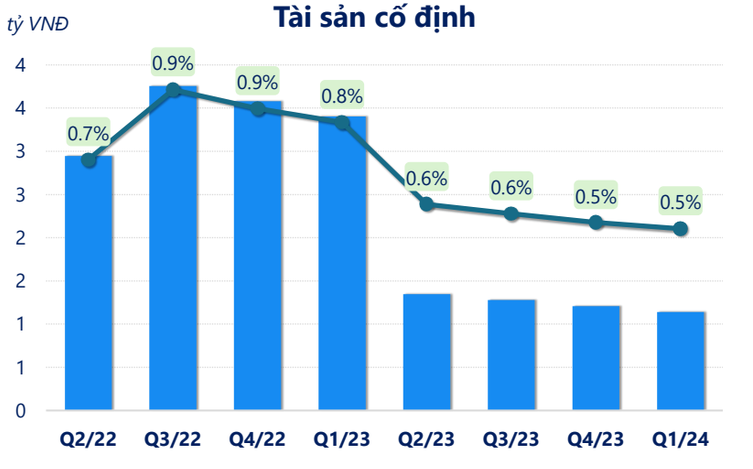
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



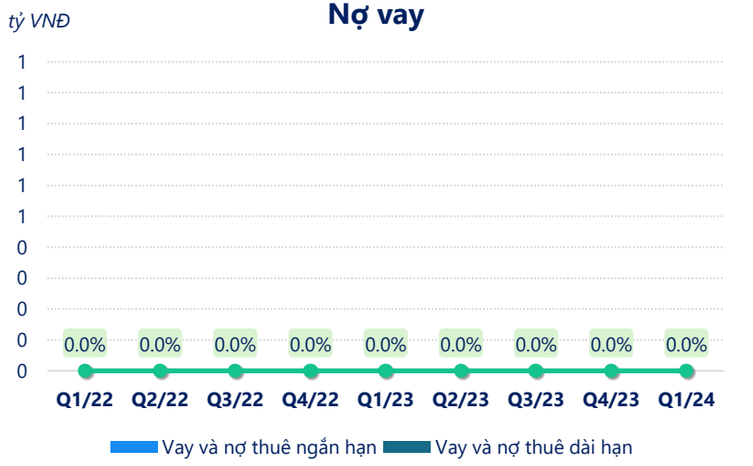
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



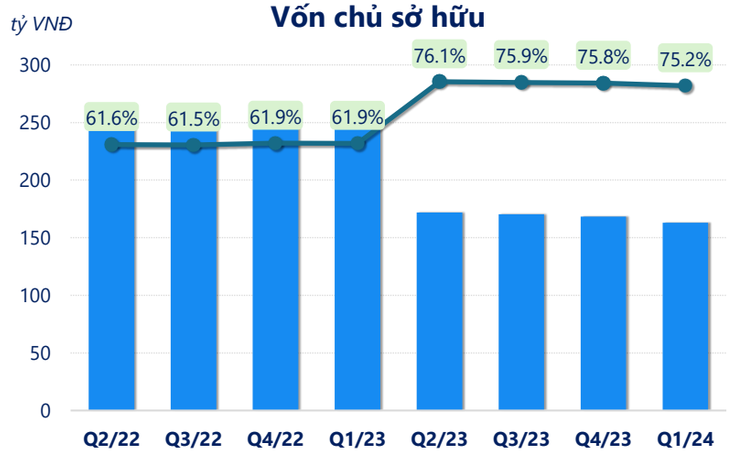
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

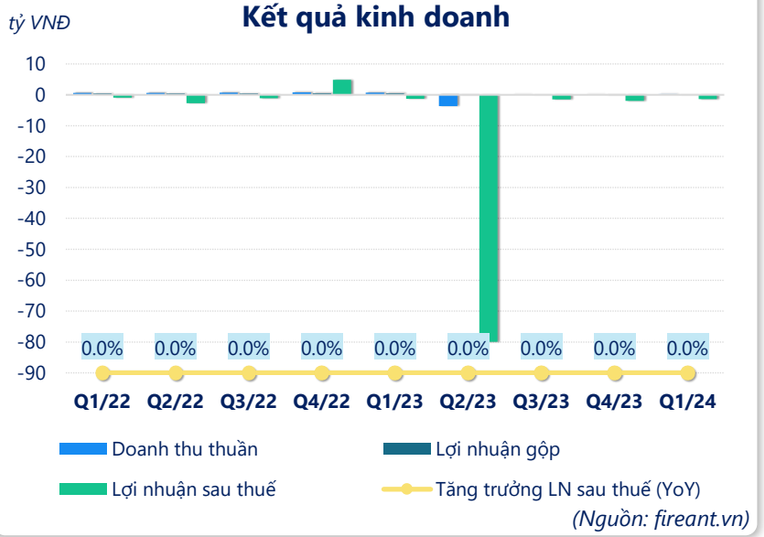


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

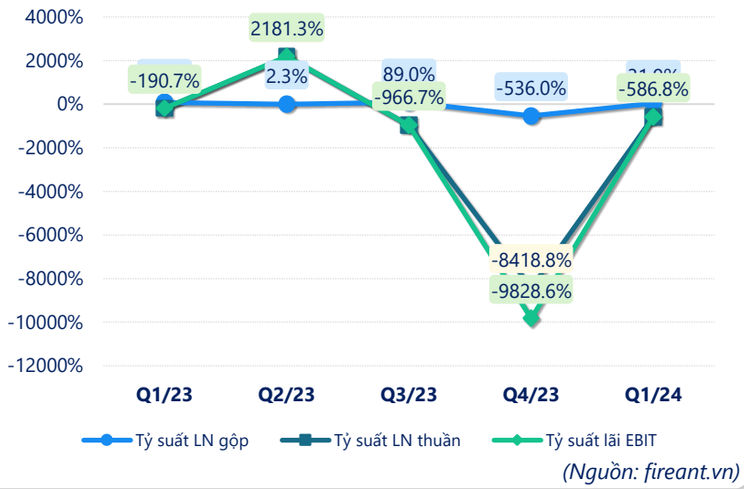
CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

Kết quả kinh doanh



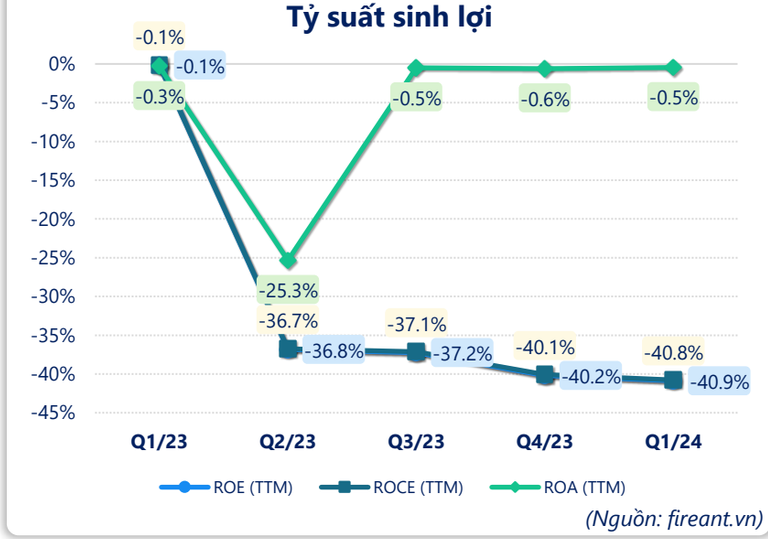
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



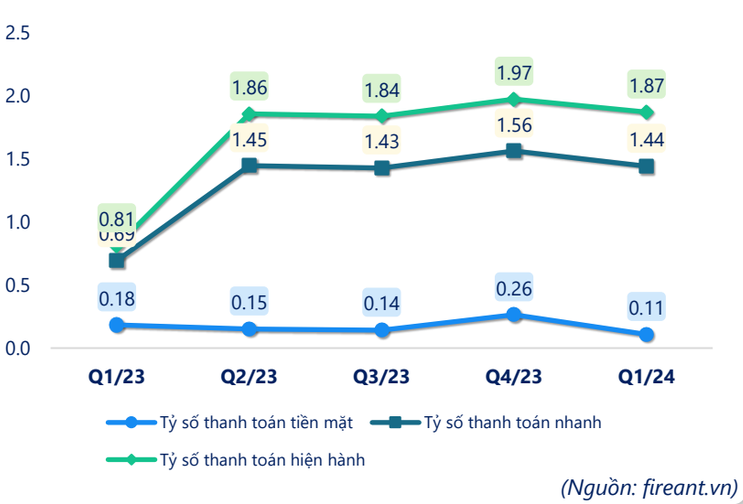
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



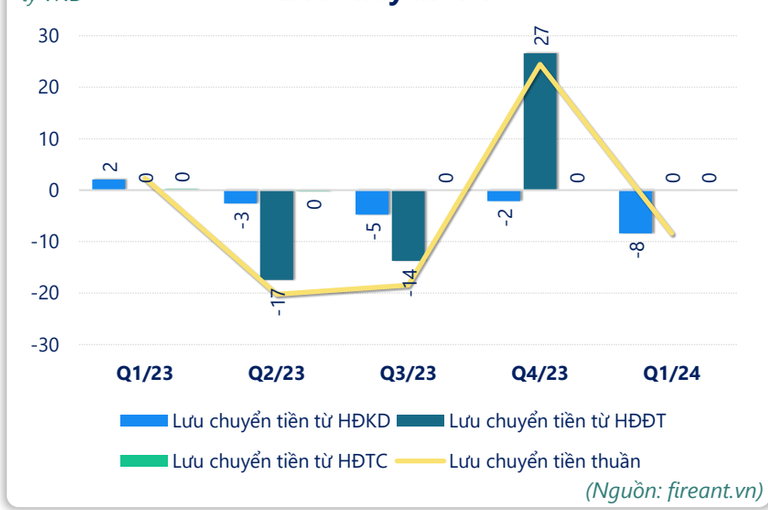
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**217**	**218**	**-0.7%**
Tài sản ngắn hạn	100	102	-1.5%
Tiền và tương đương tiền	5.82	14.2	-59.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.66	6.38	-42.5%
Phải thu ngắn hạn	47.5	38.7	22.8%
Hàng tồn kho	23.0	22.3	3.4%
Tài sản ngắn hạn khác	20.3	20.3	0.0%
Tài sản dài hạn	**116**	**116**	**0.0%**
Phải thu dài hạn	48.1	48.1	0.0%
Tài sản cố định	1.14	1.21	-5.7%
Bất động sản đầu tư	12.3	12.3	0.0%
Tài sản dở dang	42.0	42.0	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	12.7	12.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.01**	**-25.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	53.7	53.8	-0.2%
Nợ ngắn hạn	**53.6**	**53.7**	**-0.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	17.8	17.7	0.6%
Nợ dài hạn	0.12	0.12	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**163**	**164**	**-0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**163**	**164**	**-0.9%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	0.69	-3.67	0.16	0.02	0.24
Giá vốn hàng bán	0.19	-3.58	0.02	0.13	0.17
Lợi nhuận gộp	0.50	-0.08	0.14	-0.11	0.08
Doanh thu HĐTC	0.04	0.20	0.04	0.19	0.20
Chi phí TC	-0.02	78.1	0.03	-0.14	0.01
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.87	1.47	1.66	1.89	1.69
LN thuần từ HĐKD	-1.32	-79.4	-1.51	-1.67	-1.42
Lợi nhuận khác	0.00	-0.58	0	-0.28	0
LN trước thuế	-1.32	-80.0	-1.51	-1.95	-1.42
Lợi nhuận sau thuế	-1.32	-80.0	-1.51	-1.95	-1.42
LNST của CĐ cty mẹ	-1.32	-80.0	-1.51	-1.95	-1.42

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.08	-2.61	-4.72	-2.14	-8.40
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.04	-17.4	-13.7	26.6	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.20	-0.20	0	0	0
Tiền đầu kỳ	26.3	28.6	26.1	7.66	14.2
Lưu chuyển tiền thuần	**2.31**	**-20.2**	**-18.4**	**24.4**	**-8.38**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	28.6	8.19	7.66	14.2	5.82

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic